

UBND TỈNH KHÁNH HOÀ
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /STNMT-CCBVMT

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2022

V/v hướng dẫn các quy định pháp luật về
lĩnh vực bảo vệ môi trường (áp dụng đối với
dự án chưa đi vào hoạt động) năm 2022

Kính gửi: Các tổ chức/cá nhân (Doanh Nghiệp) trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Hiện nay, các quy định pháp luật về lĩnh vực bảo vệ môi trường đã được điều chỉnh thay thế. Cụ thể:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (*có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022*) đã thay thế Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Viết tắt Nghị định số 08) đã thay thế: Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ; Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 về quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 54/2021/NĐ-CP ngày 21/5/2021 về đánh giá sơ bộ tác động môi trường;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Viết tắt Thông tư số 02) đã thay thế: Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23/4/2015 về quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận; Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 về quản lý chất thải nguy hại; Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT ngày 29/9/2015 về báo cáo hiện trạng môi trường, bộ chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường; Thông tư số 19/2016/TT-BTNMT ngày 24/8/2016 về báo cáo công tác bảo vệ môi trường; Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Thông tư số 34/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017 về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ; Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

trường.

Nhằm giúp cho các tổ chức/cá nhân (Doanh nghiệp) trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa thực hiện tốt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo một số nội dung thay đổi chính để các Doanh nghiệp biết và thực hiện như sau:

1. Thủ tục lập báo cáo đánh giá tác động môi trường:

1.1. Đối tượng thực hiện:

- Dự án đầu tư nhóm I quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (*sau đây gọi tắt là Luật Bảo vệ môi trường*);

- Dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường.

Lưu ý: Danh mục dự án đầu tư nhóm I và nhóm II được quy định tại phụ lục III và phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.2. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (*Mẫu số 02 Phụ lục II Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT*);

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường (*Mẫu số 04 Phụ lục II Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT*);

- Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư.

Lưu ý, đối với dự án thuộc đối tượng phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, chủ dự án được trình đồng thời hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường với hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi; thời điểm trình do chủ dự án quyết định nhưng phải bảo đảm trước khi có kết luận thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi.

1.3. Trách nhiệm của chủ dự án sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM: thực hiện theo Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 2 Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Thủ tục cấp giấy phép môi trường:

2.1. Đối tượng thực hiện:

Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức.

Lưu ý: Danh mục dự án đầu tư nhóm III được quy định tại phụ lục V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2.2. Quy định cụ thể:

- Thời điểm cấp giấy phép môi trường:

+ Dự án thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, phải có giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;

+ Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, phải có giấy phép môi trường trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy định tại điểm a, b, c, d và g khoản 1 Điều 36 của Luật Bảo vệ môi trường. Trường hợp dự án không thuộc đối tượng được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi thì phải có giấy phép môi trường trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, điều chỉnh giấy phép xây dựng.

- Trường hợp dự án được thực hiện theo nhiều giai đoạn, có nhiều công trình, hạng mục công trình thì giấy phép môi trường có thể cấp cho từng giai đoạn, công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải.

- Trường hợp có thay đổi tên dự án hoặc chủ dự án thì chủ dự án có trách nhiệm tiếp tục thực hiện giấy phép môi trường và thông báo cho cơ quan cấp giấy phép môi trường biết để được cấp đổi giấy phép.

- Thời điểm nộp hồ sơ:

+ Trường hợp thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, nộp hồ sơ sau khi đã hoàn thành công trình xử lý chất thải cho toàn bộ dự án hoặc cho từng phân kỳ đầu tư của dự án (nếu dự án có phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn) hoặc cho hạng mục công trình xử lý chất thải độc lập của dự án;

+ Trường hợp không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, tự quyết định thời điểm nộp hồ sơ sau khi có đầy đủ hồ sơ theo quy định, để bảo đảm thời điểm phải có giấy phép môi trường theo quy định nêu trên.

2.3. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường (*theo mẫu Phụ lục XIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP*);

- Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (*theo mẫu Phụ lục VIII, Phụ lục IX hoặc Phụ lục XI Nghị định số 08/2022/NĐ-CP*);

- Tài liệu pháp lý và kỹ thuật khác của dự án, cụ thể như sau:

+ Đối với dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: hồ sơ bao gồm bản sao báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án;

+ Đối với dự án đầu tư không thuộc quy định tại trường hợp nêu trên, không phải nộp tài liệu pháp lý và kỹ thuật khác trong hồ sơ.

2.4. Hình thức nộp hồ sơ: gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền được quy định tại Điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường, theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

3. Thủ tục cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường:

Thực hiện theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường:

Việc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải thực hiện theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Một số nội dung cần lưu ý như sau:

4.1. Công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm gồm:

a) Hồ lắng của dự án khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

b) Hồ sơ cố của hệ thống xử lý nước thải (trừ hồ sơ cố kết hợp hồ sinh học);

c) Hệ thống thoát bụi, khí thải đối với các trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải, bao gồm cả hệ thống kiểm soát khí thải lò hơi sử dụng nhiên liệu là khí gas, dầu DO;

d) Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường (bao gồm cả bể tự hoại, bể tách mỡ nước thải nhà ăn và các công trình, thiết bị hợp khối đáp ứng yêu cầu theo quy định);

đ) Hệ thống xử lý nước làm mát có sử dụng Clo hoặc hóa chất khử trùng để diệt vi sinh vật.

4.2. Các quy định cụ thể:

- Trường hợp dự án không thuộc đối tượng phải đánh giá tác động môi trường nhưng phải có giấy phép môi trường và có công trình xử lý chất thải không thuộc đối tượng quy định tại khoản 4.1, chủ dự án vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm toàn bộ dự án hoặc cho từng phân kỳ đầu tư hoặc cho hạng mục công trình xử lý chất thải độc lập, khi đã hoàn thành các nội dung sau:

+ Xây dựng các công trình xử lý chất thải theo giấy phép môi trường; lập hồ sơ hoàn thành công trình xử lý chất thải theo quy định pháp luật về xây dựng (có biên bản bàn giao nghiệm thu giữa chủ đầu tư, nhà thầu thi công, giám sát thi công công trình xử lý chất thải) và có quy trình vận hành bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn thành công trình xử lý chất thải);

+ Lắp đặt các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải, bụi, khí thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt);

+ Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải (theo Mẫu số 43 Phụ lục II Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm; trường hợp cơ quan cấp giấy phép môi trường là Bộ Tài nguyên và Môi trường thì phải gửi thêm cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Trường hợp dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động môi trường và phải có giấy phép môi trường và có công trình xử lý chất thải không thuộc đối tượng quy định tại khoản 4.1, chủ dự án vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm toàn bộ dự án hoặc cho từng phân kỳ đầu tư hoặc cho hạng mục công trình xử lý chất thải theo giấy phép môi trường đã được cấp. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo giấy phép môi trường, thì thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm; trường hợp cơ quan cấp giấy phép môi trường là Bộ Tài nguyên và Môi trường thì phải gửi thêm cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải, chủ dự án có trách nhiệm thực hiện một số nội dung sau:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, giám sát. Trường hợp dự án thuộc đối tượng quan trắc nước thải, bụi, khí thải tự động, phải tổ chức theo dõi, giám sát kết quả quan trắc nước thải, bụi, khí thải tự động, liên tục có camera theo dõi và kết nối, truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Tự thực hiện quan trắc khi đáp ứng theo hướng dẫn kỹ thuật của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc phối hợp với tổ chức đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường để quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả của công trình xử lý chất thải;

c) Tự chịu trách nhiệm đối với nội dung kế hoạch vận hành thử nghiệm và toàn bộ quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;

d) Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;

đ) Tự đánh giá hoặc thuê tổ chức có đủ năng lực đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý chất thải; tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, gửi cơ quan cấp giấy phép môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm; trường hợp cơ quan cấp giấy phép môi trường là Bộ Tài nguyên và Môi trường thì gửi thêm cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

4.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, nếu chất thải xả ra môi trường không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chủ dự án phải thực hiện các biện pháp sau:

a) Dừng hoạt động hoặc giảm công suất của dự án để bảo đảm các công trình xử lý chất thải hiện hữu có thể xử lý các loại chất thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và giấy phép môi trường;

b) Rà soát các công trình, thiết bị xử lý chất thải, quy trình vận hành hệ thống xử lý chất thải để xác định nguyên nhân gây ô nhiễm và đưa ra giải pháp khắc phục; cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung (nếu có) các công trình xử lý chất thải để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường;

c) Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường, phải dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời tới cơ quan cấp giấy phép môi trường; trường hợp cơ quan cấp giấy phép môi trường là Bộ Tài nguyên và Môi trường thì phải gửi thêm Sở Tài nguyên và Môi trường; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

d) Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải hoặc hạng mục công trình xử lý chất thải không đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường để vận hành lại. Trình tự, thủ tục, thời gian vận hành thử nghiệm lại công trình xử lý chất thải được thực hiện như vận hành thử nghiệm lần đầu.

5. Thủ tục đăng ký môi trường:

5.1. Đối tượng thực hiện:

Dự án đầu tư có phát sinh chất thải nhưng không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.

Lưu ý, đối tượng quy định sau đây được miễn đăng ký môi trường:

- Dự án đầu tư khi đi vào vận hành không phát sinh chất thải hoặc chỉ phát sinh chất thải rắn sinh hoạt dưới 300 kg/ngày được quản lý theo quy định của chính quyền địa phương; hoặc phát sinh nước thải dưới 05 m³/ngày, khí thải dưới 50 m³/giờ được xử lý bằng công trình thiết bị xử lý tại chỗ hoặc được quản lý theo quy định của chính quyền địa phương.

- Danh mục cơ sở được miễn đăng ký môi trường quy định tại Phụ lục XVI Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

5.2. Thời điểm thực hiện:

- Dự án thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, thực hiện thủ tục đăng ký môi trường trước khi vận hành chính thức;

- Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, thực hiện thủ tục đăng ký môi trường trước khi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng) hoặc trước khi xả chất thải ra môi trường (đối với trường hợp không phải có giấy phép xây dựng).

Lưu ý, thủ tục đăng ký môi trường chỉ thực hiện đối với dự án có phát sinh chất thải nhưng không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo khoản 5.1 nêu trên.

5.3. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án (*theo Mẫu số 47 Phụ lục II Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT*);
- Bản sao Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư (nếu có).

5.4. Hình thức nộp hồ sơ: gửi hồ sơ đến UBND cấp xã nơi triển khai dự án thông qua hình thức nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

Lưu ý, đối với cơ sở nằm trên địa bàn từ 02 xã trở lên, chủ dự án được quyền chọn UBND cấp xã để đăng ký.

5.5. Các quy định khác:

Trong quá trình hoạt động, nếu có thay đổi về nội dung đã đăng ký, chủ dự án có trách nhiệm đăng ký môi trường lại trước khi thực hiện các thay đổi đó. Trường hợp việc thay đổi quy mô, tính chất của dự án thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường hoặc phải có giấy phép môi trường, chủ dự án phải thực hiện quy định về đánh giá tác động môi trường và giấy phép môi trường theo quy định.

6. Công khai thông tin môi trường:

Việc công khai thông tin môi trường được quy định tại Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Một số nội dung cần lưu ý như sau:

Chủ dự án thực hiện công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, giấy phép môi trường như sau:

- Công khai trên trang thông tin điện tử của chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi thực hiện dự án;
- Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo hoặc sau khi được cấp giấy phép môi trường.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường:

Việc báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được quy định tại Điều 119 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Một số nội dung cần lưu ý như sau:

7.1. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ:

- Biểu mẫu báo cáo:
 - + Đối với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp: thực hiện theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục VI Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;
 - + Đối với chủ dự án thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường: thực hiện theo quy định tại Mẫu số 05.A Phụ lục VI Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

+ Đối với chủ dự án thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường: thực hiện theo quy định tại Mẫu số 05.B Phụ lục VI Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Lưu ý: Đối tượng được miễn đăng ký môi trường theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì không phải thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường.

- Thời gian gửi báo cáo: trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo.

- Hình thức gửi báo cáo: thực hiện theo một trong các hình thức sau:

+ Báo cáo bằng văn bản giấy, có chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu của đơn vị và bản điện tử (file.doc). Các biểu mẫu tổng hợp số liệu kèm theo báo cáo phải được đóng dấu giáp lai. Báo cáo được gửi theo phương thức trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Fax;

+ Báo cáo bằng văn bản điện tử theo thể thức định dạng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định hoặc được số hóa từ văn bản giấy, có chữ ký điện tử của người có thẩm quyền và đóng dấu điện tử của đơn vị. Báo cáo được gửi thông qua hệ thống thư điện tử hoặc hệ thống thông tin môi trường các cấp (nếu có).

- Cơ quan tiếp nhận báo cáo: cơ quan cấp giấy phép môi trường hoặc cơ quan tiếp nhận đăng ký môi trường; Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong; UBND cấp huyện và Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp (*trường hợp dự án, cơ sở nằm khu công nghiệp, cụm công nghiệp*).

7.2. Chủ dự án thực hiện việc lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo đề cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra; tổ chức lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Đối với các dự án khai thác khoáng sản

Đối với các dự án khai thác khoáng sản ngoài việc thực hiện các nội dung nêu trên đề nghị phải thực hiện đóng tiền ký quỹ cụ thể như sau:

- Thời điểm thực hiện ký quỹ:

+ Lần đầu: Trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Những lần tiếp theo: thực hiện trong khoản thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Thời gian ký quỹ:

+ Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản mới, thời gian ký quỹ được xác định theo dự án đầu tư được cơ quan có thẩm quyền thẩm định nhưng tối đa không được quá 30 năm;

+ Trường hợp tổ chức, cá nhân đã có giấy phép khai thác khoáng sản: thời gian ký quỹ xác định theo thời hạn còn lại trong giấy phép khai thác khoáng sản tính từ thời điểm phê duyệt phương án;

+ Trường hợp giấy phép khai thác có thời hạn khai thác khác với thời gian đã tính trong phương án đã phê duyệt thì tổ chức, cá nhân điều chỉnh nội dung và tính toán số tiền ký quỹ theo thời gian trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp và gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án để xem xét, điều chỉnh.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Khánh Hòa - 14 Hoàng Hoa Thám, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Số tài khoản: 60.1.10.000.649.379 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Khánh Hòa.

Trên đây là một số hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường gửi các Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đề nghị các các tổ chức/cá nhân nghiên cứu triển khai thực hiện. Doanh nghiệp có thể tra cứu Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường theo địa chỉ <http://stnmt.khanhhoa.gov.vn>.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, đề nghị doanh nghiệp liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Chi cục Bảo vệ môi trường): 3810767 để được hướng dẫn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Theo danh sách;
- UBND tỉnh (b/c);
- Quỹ BVMT tỉnh Khánh Hòa;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- BQL KKT Vân Phong (p/h);
- Sở Công Thương (p/h);
- TTCNTT (đăng tải);
- TTQTTNMT, P.KS - Nước KTTV&BĐKH;
- Lưu: VT, CCBVMT, G.L.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Lan